

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

● NGUYỄN THỊ NGỌC THÀNH

Khoa Luật Kinh tế,

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh

DOI: <https://doi.org/10.62831/202526025>

TÓM TẮT:

Người không quốc tịch là nhóm dễ bị tổn thương do không có sự ràng buộc chính trị - pháp lý với bất kỳ quốc gia nào, dẫn đến việc bị hạn chế nghiêm trọng về quyền và địa vị pháp lý. Tình trạng không quốc tịch không chỉ là vấn đề của từng quốc gia riêng lẻ, mà còn là thách thức mang tính toàn cầu. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định điều chỉnh đối tượng này, song vẫn tồn tại những bất cập trong thực tiễn áp dụng. Bài viết tập trung phân tích các quy định hiện hành liên quan đến người không quốc tịch, chỉ ra các hạn chế chủ yếu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm bảo vệ tốt hơn quyền của nhóm người này, giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ tình trạng không quốc tịch ở Việt Nam.

Từ khóa: quốc tịch, không quốc tịch, địa vị pháp lý, hoàn thiện pháp luật.

1. Đặt vấn đề

Quốc tịch thể hiện mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, bền vững giữa nhà nước với cá nhân, là cơ sở pháp lý làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn tồn tại một bộ phận người không có quốc tịch, không được thừa nhận là công dân của bất kỳ quốc gia nào. Nhóm người này bị hạn chế nghiêm trọng về quyền con người, quyền công dân và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, do không có sự bảo hộ pháp lý - chính trị từ bất kỳ Nhà nước nào.

Tình trạng không quốc tịch không chỉ là vấn đề pháp lý của từng quốc gia, mà còn là thách thức mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự phối hợp và cam kết

của cộng đồng quốc tế. Tại Việt Nam, pháp luật đã có các quy định điều chỉnh đối tượng này, song vẫn bộc lộ những hạn chế. Thực tiễn áp dụng cho thấy, các quy định hiện hành chưa đủ đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền và địa vị pháp lý của người không quốc tịch, cũng như chưa tạo ra cơ chế hiệu quả nhằm giảm thiểu và tiến tới chấm dứt tình trạng này.

Từ bối cảnh trên, việc nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật hiện hành, nhận diện những bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về người không quốc tịch ở Việt Nam có ý nghĩa cấp thiết, vừa đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền con người, vừa phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Nội dung pháp luật Việt Nam về người không quốc tịch

2.1. Nhóm các quy định về địa vị pháp lý của người không quốc tịch trong pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, đối với quyền của người không quốc tịch. Trên cơ sở là thành viên tham gia vào các Điều ước quốc tế như về quyền con người như: Hiến chương Liên Hợp Quốc, Tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hợp Quốc năm 1948,...¹, Nhà nước đã tiến hành nội luật hóa các quy định về quyền con người trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau khác như: Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Cư trú năm 2020, Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Căn cước năm 2023, Luật Bảo hiểm y tế năm 2018 (sửa đổi bổ sung năm 2014),... Theo đó, các quyền của người không quốc tịch ở Việt Nam có thể kể đến cụ thể là: Quyền được nhận quốc tịch Việt Nam; quyền được cư trú; quyền được xác định nguồn gốc và được cấp giấy tờ cá nhân đối với người gốc Việt; quyền được làm việc trong một số lĩnh vực nhất định; quyền được khám chữa bệnh tham gia bảo hiểm y tế,...

Thứ hai, đối với nghĩa vụ của người không quốc tịch sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận bất kỳ cá nhân nào cư trú tại Việt Nam đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam². Đặc biệt là đối với lĩnh vực pháp luật hình sự và hành chính - là lĩnh vực luật công, theo đó, mọi hành vi vi phạm pháp luật về hình sự và hành chính của người không quốc tịch đều được xem xét theo pháp luật Việt Nam³. Những quy định này được ghi nhận trong các văn bản pháp luật như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về xử lý vi phạm pháp luật hình sự đối với người không có quốc tịch; hoặc xử phạt vi phạm hành chính đối với người không quốc tịch tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy phạm khác.

2.2. Nhóm các quy định nhằm hạn chế tình trạng người không quốc tịch trong pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, thông qua quy định của nguyên tắc

quốc tịch, được ghi nhận tại Điều 4, Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) cho phép những trường hợp có hai quốc tịch. Điều này nhằm tạo điều kiện cho các cá nhân được giữ quốc tịch Việt Nam, đồng thời cũng là biện pháp nhằm hạn chế phát sinh các trường hợp người không quốc tịch mới. Nguyên tắc “một quốc tịch mềm dẻo” còn được thể hiện thông qua các cơ chế đảm bảo thực hiện như trường hợp nếu xét thấy người đó đủ điều kiện nhập tịch hoặc trở lại quốc tịch Việt Nam thì các cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo bằng văn bản để họ làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp họ xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.

Thứ hai, hạn chế thông qua quy định nhập quốc tịch Việt Nam của người không quốc tịch. Biện pháp trực tiếp và hiệu quả đối với việc giảm thiểu tình trạng người không quốc tịch ở nước ta cho đến nay là tạo điều kiện cho người không quốc tịch sinh sống tại Việt Nam được nhập quốc tịch Việt Nam. Pháp luật nước ta đã xác định rõ và chia nhóm đối với quy định này như sau: (1) Quy định chung đối với người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam; 2) Quy định đối với người không quốc tịch tại biên giới Việt - Lào và người di cư tự do từ Campuchia về nước. Các quy định này được ghi nhận trong Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam, Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước ký ngày 8/7/2013 và các văn bản pháp luật khác.

Thứ ba, thông qua quy định về quyền được có quốc tịch của trẻ em bằng sự kết hợp và áp dụng của cả hai nguyên tắc “quyền huyết thống” và “quyền nơi sinh”, được ghi nhận cụ thể tại khoản 1,2,3 Điều 16 Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)⁴. Quy định này nhằm ngăn chặn tình trạng không quốc tịch thứ phát, bảo đảm

được quyền con người, quyền trẻ em theo Công ước về quyền trẻ em năm 1989 mà Việt Nam đã tham gia.

Thứ tư, thông qua quy chế riêng biệt đối với người chưa xác định quốc tịch, người gốc Việt. Đây là nhóm người đã từng có quốc tịch Việt Nam nhưng xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện nay không còn quốc tịch⁵. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của nhóm người này, bên cạnh việc xem xét cho họ được phục hồi quốc tịch, pháp luật Việt Nam còn tạo điều kiện cho họ được có giấy tờ nhân thân. Mặc dù loại giấy tờ đó chưa cung cấp cho nhóm người này một quốc tịch đúng nghĩa, tuy nhiên đây là căn cứ pháp lý cơ bản để giúp người chưa xác định được quốc tịch ở Việt Nam có thể đảm bảo các điều kiện sống thiết yếu cuộc sống như có nơi cư trú, có công việc,...

2.3. Những hạn chế trong quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về người không quốc tịch

Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã bước đầu đề cập đến một số nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của người không quốc tịch, song hiện nay vẫn chưa tồn tại một khung pháp luật chuyên biệt điều chỉnh toàn diện địa vị pháp lý của nhóm đối tượng này. Cụ thể:

Thứ nhất, pháp luật về người không quốc tịch có những quy định chưa đảm bảo sự nhất quán dẫn đến thực trạng không đảm bảo được quyền của người không quốc tịch như quyền lao động, quyền cư trú... Ví dụ như về quyền lao động của người không quốc tịch. Theo khoản 5 Điều 3 Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định: “Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam là công dân nước ngoài và người không quốc tịch thường trú hoặc tạm trú ở Việt Nam”; khoản 3 Điều 2 Bộ luật Lao động năm 2019 tiếp tục xác định “người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam”, theo đó, người lao động bao gồm cả công dân nước ngoài và người không quốc tịch. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 151 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định “Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là người có quốc tịch nước ngoài”, tức loại trừ người không

quốc tịch khỏi phạm vi điều chỉnh. Sự mâu thuẫn này giữa các quy định pháp luật đã tạo ra khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền được lao động và bảo đảm thu nhập để đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu của người không quốc tịch tại Việt Nam.

Thứ hai, pháp luật về người không quốc tịch ở Việt Nam còn thiếu những quy định có liên quan đến nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như trẻ em. Hiện nay, những quy định về quyền trẻ em đã là người không quốc tịch ở trên lãnh thổ Việt Nam vẫn chưa được đảm bảo, ví dụ như: Quyền được học tập tại Điều 14 Luật Giáo dục năm 2019 chỉ quy định quyền và nghĩa vụ học tập đối với trẻ em Việt Nam chứ không áp dụng đối với trẻ em là người không quốc tịch.

Thứ ba, chưa có những quy định về an sinh xã hội, việc tham gia bảo hiểm xã hội và hưởng các chế độ bảo hiểm cho người không quốc tịch trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Điều này dẫn đến nguy cơ khiến nhóm đối tượng này không được tham gia hệ thống bảo hiểm xã hội, qua đó không thể tiếp cận và thụ hưởng các chế độ cơ bản như chế độ thai sản, trợ cấp tai nạn lao động, ốm đau và các quyền lợi an sinh xã hội thiết yếu khác.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam về xác định quốc tịch của cá nhân cho người không quốc tịch còn thiếu tính cụ thể, thống nhất. Cụ thể như: chưa có quy định thủ tục riêng về xác định quốc tịch Việt Nam; quy định về căn cứ xác định quốc tịch Việt Nam của trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài chưa cụ thể, thủ tục đăng ký khai sinh còn khá cứng nhắc; quy định về quốc tịch đối với trẻ em có cha mẹ hoặc cha là người không quốc tịch chưa thống nhất.

Thứ năm, chưa có quy định đầy đủ và rõ ràng về biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với người không quốc tịch. Theo khoản 2 Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) “các biện pháp xử lý hành chính không áp dụng đối với người nước ngoài”. Vậy những vi phạm pháp luật khi chưa đủ mức truy cứu

trách nhiệm hình sự, hoặc đối với những trẻ vị thành niên là người không quốc tịch thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng biện pháp nào để xử lý hoặc nếu không áp dụng xử lý hành chính thì những người này sẽ phải chịu những chế tài nào của pháp luật. Bên cạnh đó, trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành, các cơ quan có thẩm quyền cũng gặp khó khăn khi áp dụng chế tài trục xuất, đặc biệt trong việc xác định “*nơi bị trục xuất đến*” hoặc chủ thể chịu trách nhiệm thanh toán chi phí xuất cảnh trong trường hợp người vi phạm không có khả năng chi trả.

Thứ sáu, tính khả thi liên quan đến việc nhập quốc tịch Việt Nam đối với người không quốc tịch vẫn còn hạn chế, thể hiện rõ qua các yêu cầu và thủ tục nhập quốc tịch được quy định tại Điều 19 và Điều 20 Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Một số điều kiện trong quá trình này đặt ra trở ngại đáng kể cho người không quốc tịch, như: phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thẻ thường trú. Tuy nhiên, để được cấp thẻ thường trú, người xin nhập quốc tịch phải thực hiện thủ tục với đầy đủ hồ sơ như: lý lịch tư pháp do quốc gia mà họ mang quốc tịch cấp; công hàm của cơ quan đại diện ngoại giao của quốc gia đó đề nghị Việt Nam cho phép thường trú;...⁶ Đây là những giấy tờ mà người không quốc tịch gần như không thể cung cấp, khiến phần lớn người không quốc tịch không thể hoàn tất thủ tục nhập quốc tịch theo diện thông thường.

3. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về người không quốc tịch

Từ những phân tích nêu trên, tác giả cho rằng cần phải thực hiện một số sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội dung của pháp luật nhằm xây dựng hệ thống pháp luật về người không quốc tịch một cách đầy đủ, toàn diện về những chính sách pháp luật để hạn chế và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn tình trạng này ở nước ta.

Thứ nhất, cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi một số quy định trong Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) nhằm

khắc phục những quy định còn mang tính khái quát, thiếu hướng dẫn cụ thể. Cụ thể như: ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết về điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam đối với người không quốc tịch; bổ sung cơ chế chuyển tiếp với thời hạn giải quyết dài hơn cho những người không quốc tịch đã cư trú ổn định và đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch. Bên cạnh đó, cần xem xét xây dựng quy định về phương thức giải quyết đối với các trường hợp di cư tự do, người không xác định được quốc tịch cư trú tại Việt Nam dưới 20 năm, cũng như người gốc Việt, theo hướng đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian xử lý⁷.

Thứ hai, cần hoàn thiện pháp luật về quyền lao động của người không quốc tịch. Cụ thể, sửa đổi khoản 1 Điều 151 Bộ luật Lao động theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng, quy định rõ: “*Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam bao gồm người có quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch*”, nhằm bảo đảm quyền được làm việc của họ. Bên cạnh đó, trong quy định về điều kiện cấp giấy phép lao động, cần phân biệt giữa lao động là công dân nước ngoài và lao động là người không quốc tịch, qua đó nới lỏng những quy định đối với nhóm người không quốc tịch trong lĩnh vực này. Bởi nhiều quy định hiện hành khiến người không quốc tịch khó đáp ứng điều kiện như người lao động là người nước ngoài, dẫn đến quyền lao động của họ chỉ tồn tại trên hình thức mà khó triển khai trong thực tiễn.

Thứ ba, quyền được hưởng các chính sách an sinh xã hội cần được ghi nhận cho nhóm đối tượng người không có quốc tịch. Điều 34 Hiến pháp Việt Nam quy định “*Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội*”. Tức là quy định này mới chỉ dành cho người có quốc tịch Việt Nam, do đó, cần sửa đổi sang “*mọi người*” để đảm bảo rằng người không quốc tịch cũng có quyền được hưởng chính sách an sinh xã hội.

Thứ tư, cần sửa đổi quy định pháp luật Việt Nam về chính sách hỗ trợ thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ em là người không quốc tịch⁸. Tại quy định ở điểm o khoản 1 Điều 10 Luật Trẻ em

về các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, quy định bao gồm “*Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc*”, quy định này không chỉ rõ trẻ em là người không quốc tịch. Điều này có thể gây khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền và làm cho quyền của nhóm trẻ này không được bảo đảm. Theo đó, đề xuất sửa đổi thành: “*Trẻ em là người không quốc tịch, trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc*”. Sự sửa đổi này sẽ quy định cụ thể đối tượng được hỗ trợ thực hiện giáo dục hòa nhập là trẻ em không có quốc tịch hoặc chưa xác định được quốc tịch, góp phần bảo đảm cho quyền được học tập của nhóm trẻ này.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật về vấn đề xử lý các vi phạm pháp luật của người không quốc tịch. Cụ thể là, kiến nghị sửa khoản 2 Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) như sau: “*Các biện pháp xử lý hành chính không áp dụng đối với người có quốc tịch nước ngoài*”, thay vì là chỉ quy định chung chung là “*áp dụng với người nước ngoài*”. Bên cạnh đó, đề xuất không đưa biện pháp “trục xuất” áp dụng

đối với những người không quốc tịch bởi tính khả thi không cao vì không thể xác định được “nơi bị trục xuất đến”.

4. Kết luận

Trong bài nghiên cứu này, tác giả đã phân tích các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về người không quốc tịch, chỉ ra những bất cập và khoảng trống pháp lý còn tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp luật đối với nhóm đối tượng này. Mục tiêu là điều chỉnh phù hợp địa vị pháp lý, tăng cường các cơ chế bảo vệ, đồng thời từng bước giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ tình trạng không quốc tịch tại Việt Nam. Trên cơ sở nguyên tắc hiến định “*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*” (Điều 19 Hiến pháp 2013) và cam kết thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người, việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật liên quan đến người không quốc tịch không chỉ là yêu cầu mang tính cấp thiết mà còn là trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền con người, củng cố nền pháp quyền và hội nhập quốc tế ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Báo điện tử Chính phủ (2013)

²Điều 43 Hiến pháp năm 2013

³Hồ Hoàng Giang (2024)

⁴Hồ Hoàng Giang (2025)

⁵Hồ Hoàng Giang (2024)

⁶Điều 41 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2023

⁷Lê Cẩm An (2018)

⁸Hồ Hoàng Giang (2025)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Báo điện tử Chính phủ (2013). Việt Nam tham gia hầu hết các Công ước về quyền con người. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/viet-nam-tham-gia-hau-het-cac-cong-uoc-ve-quyen-con-nguoi-102152456.htm>

Hồ Hoàng Giang (2024). Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về người không quốc tịch hiện nay. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 6 (198) - 2024, tr 79-85.

Hồ Hoàng Giang (2025). Hoàn thiện pháp luật về người không quốc tịch ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Lê Cẩm An (2018). Quản lý nhà nước đối với người không quốc tịch ở Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Hiến pháp năm 2013.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2008). Luật Quốc tịch (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2012). Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2016). Luật Trẻ em.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2023). Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Ngày nhận bài: 7/7/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/7/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/8/2025

VIETNAMESE LAW ON STATELESS PERSONS: CURRENT SITUATION AND ORIENTATION FOR IMPROVEMENT

● NGUYEN THI NGOC THANH

Faculty of Economic Law,
School of Social Sciences and Humanities, Vinh University

ABSTRACT:

Stateless persons represent one of the most vulnerable populations, as the absence of political and legal affiliation with any sovereign state severely limits their rights, legal capacity, and access to protection. Statelessness is not only a domestic concern but also a pressing global human rights challenge. In Vietnam, although existing legislation provides certain provisions for the recognition and protection of stateless persons, significant gaps persist in both legal design and practical implementation. This study analyzes the current legal framework governing stateless persons in Vietnam, identifies key shortcomings, and proposes legal and policy reforms aimed at strengthening rights protection, mitigating the causes of statelessness, and moving toward its eventual eradication.

Keywords: nationality, statelessness, legal status, legal improvement.